TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đình Thị Thanh Hải, bà Đoàn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lào Cai: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Trung H; sinh ngày 23-6-1983; số căn cước công dân: 026183013xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18-6-2023; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố H 3, phường Â, tỉnh Lào Cai; nơi ở hiện nay: 33/6A, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Thiều Quang T; sinh ngày 15-9-1984; số định danh cá nhân: 038084034330; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố H 3, phường Â, tỉnh Lào Cai; nơi ở hiện nay: Đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2025 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Hà Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thiều Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên

Bái (nay là UBND phường Â, tỉnh Lào Cai) vào ngày 14 tháng 7 năm 2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Vì cuộc sống gia đình, bà vào Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để đi học y học cổ truyền. Vào năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên sống ly thân đến cuối năm 2021 vợ chồng tái hợp nhưng đến tháng 12 năm 2023 mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Bà và ông T lại ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai giải quyết cho bà được ly hôn ông Thiều Quang T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Thiều Quang C, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2007. Cháu C đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Thiều Quang T đang đi lao động ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, bà Hà Trung H cung cấp địa chỉ thân nhân của ông T là bà Phùng Thị N, sinh năm 1958 (mẹ đẻ của ông T) đang sinh sống tại số nhà 10, đường tỉnh lộ 516B, thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hoá (nay là thôn 2, xã Y, tỉnh Thanh Hoá). Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai đã thông báo đề nghị cung cấp địa chỉ của bị đơn ông Thiều Quang T nhưng bà N không cung cấp cho Toà án. Ngày 27 tháng 01 năm 2026 Toà án tiến hành đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo Công lý, Kênh VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam), thông báo cho ông Thiều Quang T biết về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thời gian mở phiên toà nhưng ông Thiều Quang T vẫn không có mặt, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông T và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lào Cai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 56, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27-6-2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ

thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Trung H được ly hôn ông Thiều Quang T.

Về án phí: Bà Hà Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Bà Hà Trung H, ông Thiều Quang T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – bà Hà Trung H là công dân Việt Nam khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thiều Quang T. Theo tài liệu do Phòng PA08 - Công an tỉnh Lào Cai cung cấp tại Công văn số 1025/PA08(Đ1) ngày 17-12-2025, ông Thiều Quang T xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 27-10-2025 và đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Ông T có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H 3, phường Â, tỉnh Lào Cai. Do bị đơn hiện đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc trường hợp tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025); điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn - bà Hà Trung H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn - ông Thiếu Quang Thuỷ không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã thông báo cho người thân thích của ông T cung cấp địa chỉ của ông T cho Toà án nhưng không nhận được kết quả. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Trung H và ông Thiều Quang T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là Uỷ ban nhân dân phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai) vào ngày 14 tháng 7 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2019 vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau đó bà và ông T sống ly thân đến cuối năm 2021 tái hợp nhưng đến tháng 12 năm 2023 mâu thuẫn tiếp tục xảy ra và từ đó vợ chồng không gặp lại. Các bên đã sống ly thân nhiều năm, không còn tình cảm, không quan tâm và liên lạc với nhau. Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho ông T biết về việc Toà án triệu tập để hòa giải, tạo điều kiện cho ông và bà H đoàn tụ nhưng ông T không có mặt. Bà H cũng xác định tình cảm không còn nên đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt. Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà H là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Thiều Quang C, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2007. Cháu C đã thành niên, bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do ông T không có lời khai nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Hà Trung H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 85/2025/QH15);

Căn cứ Điều 56, 123 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Trung H được ly hôn ông Thiều Quang T.

2. Về án phí: Bà Hà Trung H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E, số 0001924 ngày 13-11-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (bà H đã nộp đủ tiền án phí).

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Hà Trung H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Ông Thiều Quang T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1 – Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND phường Â, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Tuyến